

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+P3+TD5	7:25	8+13+1	0+0+0		0+19+2	0+0+0	
2		P8+BK9+TD2	7:25	8+0+14	0+0+0		2+5+15	0+0+0	
3		BK3+TD3+TD2	9:25	12+1+5	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P11 - P3 - TD5	CREW: Vận - DUONG - VAnh -	ETA: 09:20
xanh-1		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SANH TRUONG	P11	12-13	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KIM PHI HUNG	P11	78	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC THO	P11	76-77	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DUC DOAI	P11	74	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH NINH	P11	75	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN BA LUONG	P3					70	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC LAM	P3	98	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUOC TUAN	P3					70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HUNG	P3	95	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN DOANH	P3				12	70	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN PHAN	P3	86	1	5	18	67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MINH HIEU	P3	93	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HAO	P3	99	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUYET TIEN	P3	90	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CHAN	P3	92	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN TUAN LONG	P3	97	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TUAN	P3	94	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
18	DO DUC HIEU	P3	91	1	3		58	YTE	Vietnamese
19	DAO XUAN THO	P3	100	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
20	TRAN CAO MONG	P3	96	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
21	DAO VAN DIEP	P3	87	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
22	PHAM VAN CHAU	TD5	79	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

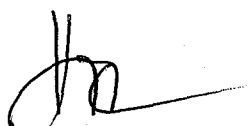
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	5	7	55	325	0	0		
2	P3	16	13	70	1.109	30	19		
3	TD5	1	1	7	70	0	2		
TOTAL		22	21	132	1.504	30	21		
WEIGHT KG				132	1.504	30			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P8 - BK9 - TD2	CREW: TTrung - Khang - VLinh - QTrưởng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THIỆU VĂN LONG	P8	57	1	9	36	71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUỐC	P8	59-60	2	12		74	XAYLAP	Vietnamese
3	THỊNH TUÂN HAI	P8	58	1	15		84	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN QUY	P8	61	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRĂNG	P8	62-63	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	P8	55-56	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
7	HA ĐỨC KHANH	P8	53-54	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG TUÂN CƯỜNG	P8	51-52	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI	TD2	32	1	5	28	76	KHOAN	Vietnamese
10	DOROSHENKO M.K	TD2	33	1	9		95	KHOAN	Russian
11	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	37	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
12	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	34	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH QUÂN	TD2	41	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	39	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	35	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH GIANG	TD2	40	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	42	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	38	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	36	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HÙNG	TD2	44-45	2	20		79	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2	43	1	7		86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	13	100	579	36	2		
2	BK9	0	0	0	0	0	5		
3	TD2	14	14	79	1.056	28	15		
TOTAL		22	27	179	1.635	64	22		
WEIGHT KG				179	1.635	64			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: BK3 - TD3 - TD2	CREW: Vậ - DUONG - VAnh -	ETA: 11:40
XANH-2		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH TOÀN	BK3	53	1	10	21	83	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUẤT	BK3	60-61	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM KHANH	BK3	58-59	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM BA HOÀNG	BK3	56-57	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	BK3	54-55	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI NGỌC NAM	BK3	62	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DUY ANH	BK3	63-64	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH ĐỨC QUÂN	BK3	71-72	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN DUNG	BK3	69-70	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC CHINH	BK3	65	1	10	15	81	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐÔNG SƠN	BK3	67-68	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN BẠCH	BK3	73	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VU HỒNG OANH	BK3	52	1	7		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD3	92	1	10	20	60	NHATHAU	Vietnamese
15	QUÁCH THẾ ANH	TD2	49	1	10	36	67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	48	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
17	VĂN BA KHANH TRINH	TD2	56-57	2	16	14	86	PVD	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HOÀ	TD2	54-55	2	12		62	PVD	Vietnamese
19	HOANG VĂN LINH	TD2	50-51	2	10		61	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN BA DUNG	TD2	53	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN HUU THUONG	TD2	52	1	7		85	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	13	21	174	950	36	0		
2	TD3	1	1	10	60	20	12		
3	TD2	7	10	69	476	50	10		
TOTAL		21	32	253	1.486	106	22		
WEIGHT KG				253	1.486	106			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK4+P2	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	CHUYẾN 1 BK4-P2
2		CLI+TD3+GTCl	7:25	2+20+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	CHUYẾN 1 CTK3- TD3CHUYẾN 3
3		CTK3+TD3+TD5	7:25	11+5+6	0+0+0		2+10+8	0+0+0	TD3-TD5
4		JS2+RC4+BK9	9:25	10+5+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
5		P1+P11+P9	9:25	10+5+0	0+0+0		3+0+11	0+0+0	
6		P4+CNV+RC6	9:25	16+0+3	0+0+0		14+4+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: TD5 - BK4 - P2	CREW: Cương - KHAI - thông	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ HOÀN KIẾM	TD5	89	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	83	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
3	BÀO NGUYỄN LỘC	TD5	84	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN BA HOA	TD5	90	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH ANH TRƯỜNG	TD5	98	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG NHẬT QUANG	TD5	91	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VŨNG QUOC	TD5	86	1	7	36	75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	85	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC HOÀN-PVD	TD5	95	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HAI-PVD	TD5	93	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ĐẠI HAI	TD5	88	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD5	97	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ TUẤN	TD5	07	1	15		73	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD5	80-81	2	15		80	DVL	Vietnamese
15	TẶNG TIẾN TOÀN	TD5	10	1	14		84	DVL	Vietnamese
16	VŨ ANH TRỌNG	TD5	12	1	6	17	67	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	87	1	13		60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	92	1	12		63	DVL	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	94	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẢO	TD5	96	1	7		77	PSV	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	82	1	5		85	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD5	06	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	172	1.593	53	20		CHUYEN 01 PAX TU BK4 SANG P2
2	BK4	0	0	0	0	22	0	1	
3	P2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	172	1.593	75	22		
WEIGHT KG				172	1.593	75			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: CLI - TD3 - GTC1	CREW: TTrung - HUNG - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NHÂN	CLI	93	1	5	33	80	NIPI	Vietnamese
2	ĐOÀN TIẾN LŨ	CLI	92	1	8		65	NIPI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	35	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
4	TELESHENKO IVAN	TD3	04	1	13		113	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	97	1	8	34	70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN HOANG LAM	TD3	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	400	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	TD3	798	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN KHOA	TD3	799	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	39	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH HÙNG-PK-PVDO	TD3	96	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	KHUAT QUANG KIẾN	TD3	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HÙNG ANH	TD3	34	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	98	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	95	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	TD3	36	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN THÔNG	TD3	800	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG TÙNG	TD3	37-38	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN HAI	TD3	01	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THIÊN TOÀN	TD3	02-03	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TÀ HOÀI TRĂNG	TD3	99	1	9		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	2	2	13	145	33	0		
2	TD3	20	21	142	1.536	34	17		
3	GTC1	0	0	0	0	30	5		
TOTAL		22	23	155	1.681	97	22		
WEIGHT KG				155	1.681	97			

GRAND TOAL: 1.933 KGS

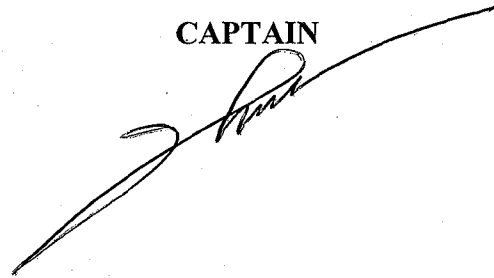
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2019	TO: CTK3 - TD3 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HỒI - CHIẾN - XTrường - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CTK3	39	1	6	32	68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HUYNH CƯỜNG	CTK3	51	1	15	20	79	CODIEN	Vietnamese
3	TRỊNH NGỌC TỰ	CTK3	50	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
4	ĐỖ DUY TIỀN	CTK3	52	1	14		79	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	CTK3	41	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN GIANG	CTK3	40	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG THẾ ANH	CTK3	45-47	3	16		60	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN HUU QUANG	CTK3	43	1	8		60	LILAMA	Vietnamese
9	NGUYỄN BA TUAN	CTK3	49	1	4		61	LILAMA	Vietnamese
10	PHẠM BA LAM	CTK3	48	1	8		58	LILAMA	Vietnamese
11	LE DANG ANH	CTK3	42,44	2	11		58	LILAMA	Vietnamese
12	NGUYỄN CHÍ LINH	TD3	07	1	7		80	DVL	Vietnamese
13	VESTAD KENNETH	TD3				27	72	T-TIN	Norway
14	BUI NGỌC THANH	TD3	08-09	2	12		60	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌ HOÀN	TD3	05-06	2	7		66	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HỒNG	TD3	01	1	5		51	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH HÙNG	TD5	25	1	4		88	PSV	Vietnamese
18	TRỊNH QUỐC HÙNG	TD5	23	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	21	1	5		59	PSV	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD5	26	1	4		64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	24	1	7		82	PSV	Vietnamese
22	LƯƠNG ANH HẢI	TD5	22	1	5		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

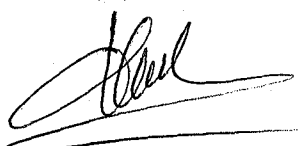
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	14	106	732	52	2	1	CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG TD3
2	TD3	5	6	31	329	27	10	3	CHUYEN 3 PAX TU TD3 SANG TD5
3	TD5	6	6	30	419	0	8		
TOTAL		22	26	167	1.480	79	20		
WEIGHT KG				167	1.480	79			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

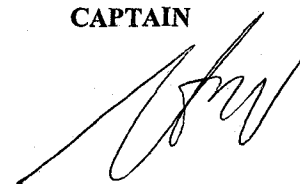
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	TO: JS2 - RC4 - BK9	CREW: Cương - KHÁI - thông	ETA: 11:15
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ISAEV VLAD	JS2	74	1	10		96	DVL	Russian
2	TRẦN ANH TUẤN	JS2	83	1	7		75	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	JS2	73	1	13		75	DVL	Vietnamese
4	MULNIUCHKIN V.V.	JS2	76	1	14		94	DVL	Russian
5	MAI VĂN DƯƠNG	JS2	80	1	10		80	DVL	Vietnamese
6	PHAN THANH TỊNH	JS2	81-82	2	17		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HUY	JS2	78	1	15		81	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN TUẤN	JS2	77	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG DƯƠNG	JS2	79	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HẠM CHUNG	JS2	75	1	8	55	70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHĨA	RC4	82-83	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN LỢI	RC4	84	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐẠT	RC4	85	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG THẮNG LONG	RC4	80-81	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC THÀNH	RC4	79	1	10	50	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	10	11	116	770	55	0		
2	RC4	5	7	58	335	50	13		
3	BK9	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		15	18	174	1.105	125	22		
WEIGHT KG				174	1.105	125			

GRAND TOAL: 1.404 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: P1 - P11 - P9	CREW: TTrung - HUNG - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT DŨNG	P1	39	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	P1	71-72	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	P1	70	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ VĂN QUÂN	P1	38	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CẨM	P1	66-67	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÁC	P1	31-32	2	11		62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P1	41	1	10		77	PSV	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG MINH	P1	69	1	5		66	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	68	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	PHẠM PHU BÌNH	P1	40	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN BA THANH	P11	80-81	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI ANH TUÂN	P11	82-83	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ANH NGỌC	P11	84-85	2	15	40	55	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC THÈ	P11	86-87	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM HỮU ANH	P11	79	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	10	13	89	650	0	3		
2	P11	5	9	64	310	40	0		
3	P9	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		15	22	153	960	40	14		
WEIGHT KG				153	960	40			

GRAND TOAL: 1.153 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: P4 - CNV - RC6	CREW: Hòì - CHIẾN - XTrưởng -	ETA: 11:20
CAM-2		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARTIN HERD SMITH	P4	10-11	2	18	30	90	KHI	Italian
2	TRẦN VĂN DOANH	P4	26	1	5		68	VIỆT PHA	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂM	P4	27	1	10	40	63	KHI	Vietnamese
4	TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	P4	28	1	6		67	KHI	Vietnamese
5	PHẠM MINH TOÀN	P4	24-25	2	12		58	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	13	1	5		80	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	20	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	BUI VĂN MUỘI	P4	17	1	5	5	55	PSV	Vietnamese
9	ĐO KHẮC ĐA	P4	14	1	5		64	PSV	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	15	1	5		66	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	18-19	2	15		80	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN AI	P4	16	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	BUI ĐỨC CHÍNH	P4	22	1	10	14	62	PSV	Vietnamese
14	BUI VĂN QUÂN	P4	21	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TUẤN	RC6	25	1	18		64	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐO VĂN CÔNG	RC6	26	1	7	18	80	XAYLAP	Vietnamese
17	CAO NAM QUÝ	RC6	27-28	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	17	111	943	89	14		
2	CNV	0	0	0	0	16	4		
3	RC6	3	4	35	224	18	4		
TOTAL		17	21	146	1.167	123	22		
WEIGHT KG				146	1.167	123			

GRAND TOAL: 1.436 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN